TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04 /2022/QĐST-VDS	*Quảng Bình, ngày 21 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Tthành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông Dương Viết Hải

- Thư ký phiên họp: bà Phan Thị Mai Ly – Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: bà Lê Thị Ngọc Loan;

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 07/2021/TLST-VDS ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp số: 629/2022/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Dương Thị Hồng N, sinh năm 1998. Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: TDP C, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện trú tại: Janpan 719-1134 Okayama Ken – Souja shi – Makabe 115-2 Sankawahara 103 gou, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Quang D, sinh năm 1991. Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: TDP 3, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện trú tại: Janpan 716-0007 Okayyama Ken - Takahashi shi - Okumandachou 3725-1 Uizidamuko-po 8, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn lập ngày 30/6/2021, Dương Thị Hồng N và anh Nguyễn Quang D thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D có quá trình tìm hiểu nhau một thời gian. Sau đó hai bên tự nguyện đến Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Sài Gòn khoảng gần 1 năm chờ đi Nhật Bản du học. Khi sống

chung vợ chồng không cùng quan điểm, tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau, dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khi hai vợ chồng sang Nhật Bản du học, cũng có ý định về Việt Nam sẽ ly hôn, nhưng sợ gia đình hai bên biết sẽ đau lòng nên hai vợ chồng đã cố gắng cho nhau cơ hội để hàn gắn, khắc phục những mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên không muốn nhìn mặt nhau, nên chị N đã chuyển trường và đi ở nơi khác, vợ chồng sống ly thân hơn 1 năm. Hiện tại cả chị N và anh D đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm, hạnh phúc gia đình không còn khả năng hàn gắn nên đều nhất trí ly hôn để mỗi người có một cuộc sống riêng, nên chị N và anh D thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về quan hệ con chung; tài sản và công nợ chung: Vợ chồng khai nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Dương Thị Hồng N và anh Nguyễn Quang D; về con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét; các đương sự phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 30/6/2021, chị Dương Thị Hồng N và anh Nguyễn Quang D có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Đây là yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có các đương sự là công đan Việt Nam đang sinh sống, học tập ở nước ngoài. Vì vậy, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết việc dân sự là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngày 20/7/2021 và ngày 29/10/2021 chị N, anh D bản tự khai trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, được Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản xác nhận gửi về cho Tòa án. Ngày 03/3/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình ra Quyết định trưng cầu giám định số 419/2022/QĐ-TCGĐ và ngày 24/3/2022 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đã có Kết luận giám định số 324/KL-KTHS. Kết luận chữ ký dạng chữ viết D, N tại Bản tự khai và các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Vì vậy, căn cứ quy định định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt chị N, anh D.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân

Chị Dương Thị Hồng N và anh Nguyễn Quang D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 13/9/2018 theo đúng quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau căng thẳng, hai bên cũng dành thời gian cho nhau để khắc phục những mâu thuẫn, nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến vợ chồng ly thân, không quan tâm, lo lắng cho nhau, ai biết công việc của người đó. Hiện tại cả chị N và anh D đều khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đã sống ly thân, tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do đó, chị N và anh D đều tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn, để mỗi người có một cuộc sống riêng. Vì vậy, cần công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị Dương Thị Hồng N và anh Nguyễn Quang D là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2].Về quan hệ con chung; tài sản và công nợ chung: Chị N, anh D khai nhận không có, nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Dương Thị Hồng N và anh Nguyễn Quang D phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm; Chị N phải chịu chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 149, các Điều 161, 367, 370, 371, 474 và Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa Chị Dương Thị Hồng N và anh Nguyễn Quang D.

2. Về quan hệ con chung; tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Dương Thị Hồng N phải chịu 150.000 đồng, anh Nguyễn Quang D phải 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước; chị N được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí chị đã nộp theo biên lai số 31AA/2021/0004761 ngày 14/10/2021 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình, chị N được nhận lại 150.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Dương Thị Hồng N phải chịu 600.000 đồng tiền chi phí giám định (chị N đã nộp đủ).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay. Các đương sự không được quyền kháng cáo; Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND TT N, huyện B;
- Các đương sự;
- Sở tư pháp Quảng Bình;
- Đăng Cổng TTĐTTA;
- Lưu HS, toà DS; VP;

THẨM PHÁN – CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP
(Đã ký)

Dương Viết Hải